TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2021
V/v "*ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Huỳnh Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977;

Trú tại: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Châu Ngọc T, sinh năm 1976; (mắc bệnh tâm thần)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện của anh T: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2020, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh T kết hôn năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã T vào ngày 25/9/2018, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì có nhiều bất đồng dẫn đến cự cải xung đột, mâu thuẩn ngày càng trầm trọng. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Riêng đối với 1 chỉ vàng 24k bà Thu trình bày là cho khi cưới thì khi làm đám giỗ cha anh T không có tiền anh T đã bán lấy về lo đám giỗ hết.

Bị đơn anh Châu Ngọc T bị mắc bệnh tâm thần theo kết quả chẩn đoán điều trị của Bệnh viện tâm thần và đang được tiếp tục điều trị ngoại trú nên không thể tiến hành lấy lời khai hay triệu tập đến Tòa án.

Tại biên bản làm việc ngày 12/6/2020, trong quá trình tố tụng vngười đại diện cho anh Châu Ngọc T là bà Hồ Thị Thu trình bày:

Đối với yêu cầu ly hôn của chị D thì bà đồng ý để anh T ly hôn với chị D. Anh T có tiền sử mắc bệnh tâm thần đã chữa trị khỏi và kết hôn với chị D nhưng đến tháng 12/2018 thì phát bệnh lại nên đã được đưa đi điều trị tại Trung tâm bảo trợ người tâm thần tỉnh Bến Tre hiện chưa khỏi. Về tài sản thì bà có ý kiến yêu cầu chị D trả lại cho bà 1 chỉ vàng 24k mà bà cho lúc cưới chị D nhưng bà không có làm đơn yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Châu Ngọc T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh T kết hôn vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy vào ngày 25/9/2018 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 12 năm 2018 thì có mâu thuẩn trong cuộc sống hôn nhân do bất đồng quan điểm sống; mặt khác, qua kết quả xác minh tại địa phương và Bệnh án của Bệnh viện tâm thần về tình trạng của anh T thì từ tháng 12/2018 đến nay anh T phải điều trị bệnh tại Bệnh viện tâm thần và Trung tâm Bảo trợ người tâm thần, anh T bị chứng rối loạn phân liệt cảm xúc và thường có biểu hiện đánh người, đi rong... nên vợ chồng không còn chung sống. Đồng thời, người đại diện của bị đơn anh T cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị D vì anh T không thể sống chung cùng chị D. Qua đó, nhận thấy hôn nhân giữa D và anh T đã không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và tiếp tục nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4]Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Đối với lời trình bày của bà Hồ Thị Thu trong biên bản làm việc ngày 12/6/2020 là yêu cầu chị D trả lại cho bà 01 chỉ vàng 24K, nhưng bà không có làm đơn yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết. Bà Thu có quyền làm yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác sau này nếu có yêu cầu.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Châu Ngọc T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 25/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0009195 ngày 17/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Duy Linh